

Bản án số: **19/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 29-01-2021
“V/v Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà :Tùng Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà : Nguyễn Huỳnh Hương

Bà : Nguyễn Kim Lân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Len - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 833/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2020 về việc “*Ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 393/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021 ngày 13.01.2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Dương Thị D, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Đỗ Văn Y, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 4/12/2020 và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào năm 2006 chị D và anh Y tự nguyện kết hôn với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (tại giấy trích lục kết hôn số 59/2006 ngày 25.10.2006). Thời kỳ chung sống giữa chị D và anh Y có 02 con chung tên Đỗ Kiều T, sinh ngày 17/05/2006 và Đỗ Nghĩa A sinh ngày 28.12.2008 con hiện sống chung gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do anh Y không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, xuất phạm, đánh đập vợ con, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Nay chị D yêu cầu ly hôn với anh Y. Về con chung yêu cầu được nuôi 2 con chung không yêu cầu anh yếm cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập anh Y để hòa giải và để xét xử nhưng anh Y điều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến của anh Y.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Trang và cháu Ân ngày 13.01.2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, thì các cháu có nguyện vọng sống với chị D.

Từ những nội dung trên Hội đồng xét xử ;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn và nuôi con, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là “*Ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Trần Văn Thời, nội dung tranh chấp là việc “*Ly hôn và nuôi con*”, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiền bộ là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau; nhưng chị D và anh Y không làm được điều đó mà ngược lại làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị D đã xác định không thể hàn gắn được, hơn nữa Tòa án đã triệu tập anh Y 2 lần để hòa giải và 2 lần để xét xử nhưng anh yếm điều vắng mặt, như vậy xác định anh Y không quan tâm đến mối quan hệ vợ chồng với chị D. Do đó xác định chị D và anh Y không còn tình cảm vợ chồng nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

[5] *Xét về con chung:* Việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy cháu Đỗ Kiều T, sinh ngày 17.5.2006 và Đỗ Nghĩa A sinh ngày 28.12.2008, tại biên bản ghi nhận ý kiến của 2 cháu, các cháu có nguyện vọng sống với chị D và chị D cũng xác định đủ điều kiện nuôi 2 cháu, do đó chấp nhận giao 2 cháu T và A cho chị D nuôi dạy là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh Y

có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh Y thực hiện quyền này và anh Y phải tôn trọng quyền của 2 cháu T và A được sống với chị D là phù hợp với Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] *Xét về yêu cầu cấp dưỡng*: Do chị D không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Xét về tài sản chung và nợ chung*: Theo đơn khởi kiện của chị D cho rằng tài sản chung và nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận, nhưng anh Y vắng mặt chưa làm rõ được phần tài sản chung và nợ chung, nên Tòa án tách phần tài sản chung và nợ chung ra, nếu sau này anh Y có yêu cầu về phần tài sản và nợ chung mà có căn cứ thì giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[8] *Xét về án phí*: Chị D phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 81, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn,

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Dương Thị D và Đỗ Văn Y.

- Về con chung: Giao cho Dương Thị D nuôi dạy cháu Đỗ Kiều T, sinh ngày 17.5.2006 và Đỗ Nghĩa A sinh ngày 28.12.2008. Anh Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng anh Y có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh Y thực hiện quyền này và anh Y phải tôn trọng quyền của 2 cháu Trang và A được sống với chị D.

Về án phí sơ thẩm:

Chị Dương Thị D phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị D đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0004372 ngày 04/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Nguyên đơn và Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Từ Thanh Nhung